TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 43 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 7 - 2018
V/v Ly hôn giữa anh Đ và chị D

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Đặng

2. Ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy: Bà Phạm Thị Thanh Hải kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 06 tháng 7 năm 2018, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 104/2018/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐST- HNGĐ ngày 29/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1975

Địa chỉ: thôn PLĐ, xã TG, huyện T, Thái Bình.

Bị đơn: Chị Bùi Thị D, sinh năm 1978

Địa chỉ: thôn PLĐ, xã TG, huyện T, Thái Bình.

(Anh Nguyễn Văn Đ xin xét xử vắng mặt, chị Bùi Thị D vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các đơn gửi Tòa án nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Điềm trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị D kết hôn tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã TG vào ngày 22/01/2000. Chung sống đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Từ năm 2011 anh và chị D ly thân, nay anh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị D.

Về việc nuôi con chung: Anh và chị D có hai con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 03/11/2000 và Nguyễn Phương U, sinh ngày 09/01/2010. Anh đề nghị Tòa án giải quyết giao cả hai con cho chị D nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D mỗi tháng 650.000 đồng/con, hai con là 1.300.000 đồng.

Về phần tài sản chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Chị Bùi Thị D đã nhận được các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, biết rõ Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn theo yêu cầu của anh Đ nhưng không đến Tòa án làm việc. Ý kiến của ông Bùi Đăng Kh là bố đẻ chị D: Chị D đã nhận được các văn bản Tòa án gửi và đã biết rõ các yêu cầu khởi kiện của anh Đ nhưng do công việc bận mải nên chị không đến làm việc theo giấy báo. Ông xác định tình trạng mâu thuẫn giữa anh Đ và chị D căng thẳng nên chị D đã bỏ về nhà ông sinh sống từ lâu, giữa anh Đ và chị D không thể đoàn tụ được nữa. Hiện hai con con chung của anh chị là Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Phương U đang ở với chị D và gia đình ông, chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên đã phát biểu về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Nguyễn Văn Đ ly hôn chị Bùi Thị D; Về con chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ giao cả hai con chung cho chị Bùi Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D mỗi con 650.000 đồng/tháng, hai con là 1.300.000 đồng/tháng; Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn Đ và chị Bùi Thị D kết hôn hợp pháp. Do tính tình không hợp nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra cãi vã. Năm 2011 hai bên ly thân mỗi người sống một nơi ai biết bổn phận người đó. Thời gian dài sống ly thân nhưng cả hai đều không tìm được giải pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng để đoàn tụ với nhau. Xét thấy mục đích trong quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị D không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Đ ly hôn chị D.

[2]. Về con chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Bùi Thị D có hai con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 03/11/2000 và Nguyễn Phương U, sinh ngày 09/01/2010. Anh Đ đề nghị để chị D trực tiếp nuôi dưỡng hai con, anh cấp dưỡng

nuỗi mỗi con 650.000 đồng/tháng, hai con là 1.300.000 đồng/tháng. Xét thấy hiện nay cả hai con chung đang ở cùng chị D và bố mẹ chị D, chị vắng mặt nhưng bố đẻ của chị D là ông Bùi Đăng Kh cho biết hiện chị D có đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, chị không đến Tòa án là do bận mải đi làm. Như vậy thể hiện chị D vẫn có đủ điều kiện để đảm nhận việc trực tiếp nuôi hai con chung, nguyện vọng của cháu H và cháu U đều muốn ở với mẹ nên để ổn định cuộc sống của con chung giao cả hai con chung cho chị Dinh trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Đ đề nghị cấp dưỡng nuôi mỗi con 650.000 đồng/tháng, hai con là 1.300.000 đồng/tháng. Xét thấy anh Đ không có việc làm ổn định, thu nhập thấp, chị D không có ý kiến phản bác gì nên chấp nhận yêu cầu của anh Đ về mức cấp dưỡng này.

[3]. Về phần tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Về hôn nhân:

Xử cho anh Nguyễn Văn Đ ly hôn chị Bùi Thị D.

2.Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Bùi Thị D có hai con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 03/11/2000 và Nguyễn Phương U, sinh ngày 09/01/2010. Giao cả hai con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D mỗi con 650.000 đồng/tháng, hai con là 1.300.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2018 đến khi con chung thành niên. Anh Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Anh Nguyễn Văn Đ phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng là 600.000 đồng. Đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Đ đã nộp theo biên lai số 0001403 ngày 19/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, anh còn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

5. Quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn Văn Đ và chị Bùi Thị D đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 9 Luật thi hành án dân sự; điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã TG;
- VKSND huyện T;
- Thi hành án dân sự huyện T
- Lưu hồ sơ

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hương Lan